

Số: 25/KH-MNNN

Nậm Nèn, ngày 19 tháng 09 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, Trường Mầm non Nậm Nèn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

2. Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

#### II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

##### 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ đơn vị (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

##### 2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03 - trong phụ lục của quy chế).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04 - trong



phụ lục của quy chế). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

### **3. Công khai thu chi tài chính:**

#### **a) Tình hình tài chính của đơn vị**

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

\* Thu học phí: Năm học 2025-2026 trường Mầm non Nậm Nền không thu học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 5 Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội. Từ năm học 2025-2026, miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập.

c) Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi tham quan học tập chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Thực hiện miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Chế độ miễn giảm học phí: Căn cứ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Căn cứ theo thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT - BGDDT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 của Bộ GDĐT - Bộ Tài chính - Bộ LĐTBXH. Vào đầu năm học 2025-2026 nhà trường đã tiến hành rà soát, làm hồ sơ chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng học sinh mầm non đủ điều kiện.

### **III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

1. Công công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể phụ huynh; các biểu mẫu công khai được niêm yết ở văn phòng trường, bảng tin của trường để thuận tiện cho mọi người theo dõi.

2. Thời điểm công khai: Thực hiện vào tháng 6 hàng năm, cập nhật đầu năm học hoặc khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo quy định.



Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Trường Mầm non Nậm Nèn trong năm học 2025-2026. Trường Mầm non Nậm Nèn cam kết thực hiện đúng nội dung kế hoạch đã đề ra để xây dựng nhà trường đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học./.

**Nơi nhận:**

- CBGV-NV (t/h);
- Lưu: VT.



**Đỗ Thị Thắm**

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NẬM NỀN**

*Căn cứ Thông tư 52/2020/TT – BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ trường Mầm non;*

*Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Xét yêu cầu công tác và năng lực chuyên môn của CBGV, NV.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra trong trường mầm non Nậm Nền năm học 2025-2026, gồm có các ông bà có tên sau:

*(Có danh sách đính kèm)*

**Điều 2.** Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra trong nhà trường. Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở CBGV, NV cùng nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra trong nhà trường năm học 2025-2026.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) có tên tại điều 1 và các bộ phận, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Thị Thắm**

**DANH SÁCH**  
**BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI, 4 KIỂM TRA**  
**TRƯỜNG MẦM NON NẬM NÈN**  
(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-MNNN ngày 23 tháng 09 năm 2025)

| Stt | Họ và tên        | Chức vụ công tác           | Nhiệm vụ phân công |
|-----|------------------|----------------------------|--------------------|
| 1   | Đỗ Thị Thắm      | Hiệu trưởng                | Trưởng ban         |
| 2   | Chui Thị Thường  | Phó Hiệu trưởng            | Phó ban            |
| 3   | Nguyễn Thị Dung  | Phó Hiệu trưởng            | Phó ban            |
| 4   | Lò Thị Nguyệt    | Tổ trưởng Tổ mẫu giáo ghép | Thành viên         |
| 5   | Hà Thị Thanh     | Tổ trưởng Tổ nhà trẻ       | Thành viên         |
| 6   | Mùa Thị Chư      | Thư ký HĐ                  | Thành viên         |
| 7   | Nguyễn Văn Phong | Kế toán                    | Thành viên         |
| 8   | Lò Thị Hương     | Tổ phó Tổ nhà trẻ          | Thành viên         |
| 9   | Khoàng Thị May   | Tổ phó Tổ mẫu giáo         | Thành viên         |

Số: 32 /QĐ-MNN

Nậm Nèn, ngày 24 tháng 09 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v Ban hành quy chế thực hiện công khai trong nhà trường

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Thực hiện kế hoạch và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của nhà trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Quyết định ban hành quy chế thực hiện công khai trong trường mầm non Nậm Nèn.

**Điều 2:** Quy chế này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 09 năm 2025 và các năm tiếp theo, nếu có bổ sung sửa đổi sẽ được thông qua các kỳ họp của Hội đồng trường. Hết hiệu lực khi có Quyết định thay thế.

**Điều 3:** Hiệu trưởng trường mầm non Nậm Nèn, các đoàn thể trong trường, toàn thể cán bộ viên chức trong trường căn cứ quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VT.

#### HIỆU TRƯỞNG



**Đỗ Thị Thắm**



Số: 81/QC-MNNN

Nậm Nèn, ngày 20 tháng 09 năm 2025

## QUY CHẾ

**Thực hiện công khai trong hoạt động trường mầm non Nậm Nèn**  
(Ban hành theo Quyết định số: 32/QĐ-MNNN ngày 24 tháng 09 năm 2025 của  
Hiệu trưởng trường mầm non Nậm Nèn)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thực hiện công khai của trường mầm non Nậm Nèn theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các cán bộ, giáo viên, nhân viên và các bậc phụ huynh trường mầm non Mường Anh chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

##### Điều 2: Mục tiêu thực hiện công khai.

1. Thực hiện công khai cam kết của trường mầm non Nậm Nèn về chất lượng giáo dục của nhà trường, công khai thông tin cơ sở vật chất và thông tin về cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường tham gia giám sát và đánh giá trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

##### Điều 3: Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại trường Mầm non Nậm Nèn và trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

### Chương II

#### NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

##### Điều 4: Nội dung công khai

##### 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ đơn vị (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (*Theo Biểu mẫu 02*).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

a) Cơ sở vật chất: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (*Theo Biểu mẫu 03 - trong phụ lục của quy chế*).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (*Theo Biểu mẫu 04 - trong phụ lục của quy chế*). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## **3. Công khai thu chi tài chính:**

a) Tình hình tài chính của đơn vị

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

\* Thu học phí: Năm học 2025-2026 trường Mầm non Nậm không thu học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 5 Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội. Từ năm học 2025-2026, miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập.

c) Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi tham quan học tập chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Thực hiện miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Chế độ miễn giảm học phí: Căn cứ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Căn cứ theo thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT -BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 của Bộ GDĐT - Bộ Tài chính - Bộ LĐTBXH. Vào đầu năm học 2025-2026 nhà trường đã tiến hành rà soát, làm hồ sơ chế độ miễn,



giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng học sinh mầm non đủ điều kiện.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của kiểm toán Nhà nước.

#### **Điều 5: Hình thức và thời điểm công khai**

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 06 hàng năm và cập nhập đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, cơ sở giáo dục và đào tạo còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ khi nhà trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với trẻ em mới tiếp nhận hoặc trước khi tuyển sinh.

b) Phổ biến hoặc phát hiện tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học mới đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 6: Trách nhiệm của hiệu trưởng.**

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra trước 30 tháng 09 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.



b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo.

**Điều 7: Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, các tổ chuyên môn và nhân viên trong nhà trường.**

- Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như đã được phân công trong Quyết định số /QĐ-MNN ngày /09/2025 của Trường mầm non Nậm Nèn.

- Các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Ban chỉ đạo xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế.

**Nơi nhận:**

- Các đoàn thể;
- Các tổ chuyên môn;
- CBGV-NV (t/h);
- Trang Website
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Thị Thắm**



Nậm Nền, ngày 24 tháng 9 năm 2025

**BIÊN BẢN**  
**NIÊM YẾT CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT**

Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT - BGD&ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Hôm nay, trường mầm non Nậm Nền tiến hành niêm yết các nội dung công khai theo quy định tại điều 6 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

**1- Thời gian:** Hồi 16 giờ 30 phút ngày 24 tháng 9 năm 2025.

**2- Địa điểm:** Tại Trường mầm non Nậm Nền.

**3- Thành phần:**

- CBQL nhà trường: 3/3 đồng chí;  
- Đại diện BCH đoàn TN trường; tổ chuyên môn; đồng chí Kế toán nhà trường.

**4- Nội dung:** Ban lãnh đạo nhà trường tiến hành xem xét các biểu mẫu thống kê nội dung công khai theo TT 09/2024 và tiến hành niêm yết công khai tại cơ sở.

Thời gian niêm yết: từ 24/09/2025

Hình thức công khai: + Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường.  
+ Trên bảng niêm yết công khai.

Thời gian kết thúc: 30/05/2026

Hôm nay, nhà trường lập biên bản niêm yết công khai và lưu vào hồ sơ của nhà trường.

Biên bản hoàn thành hồi 17 giờ cùng ngày.

**Thư ký**

**Mùa Thị Chur**

**Hiệu trưởng**



**Đỗ Thị Thắm**

**Người niêm yết**

**Chui Thị Thường**

**Người chứng kiến**  
**Đoàn TN**

**Khoàng Thị Thor**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẬM NÈN  
TRƯỜNG MẦM NON NẬM NÈN

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025 - 2026**

| Stt | Nội dung                                                            | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bình thường <math>118 / 124 = 95,1 \%</math></li> <li>- Suy dinh dưỡng nhẹ cân <math>6 / 124 = 4,8\%</math></li> <li>- Suy dinh dưỡng thấp còi <math>6 / 124 = 4,8\%</math></li> </ul>                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bình thường <math>164 / 172 = 95,3\%</math></li> <li>- Suy dinh dưỡng nhẹ cân <math>8 / 172 = 4,6 \%</math></li> <li>- Suy dinh dưỡng thấp còi <math>6 / 172 = 3,4\%</math></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                      |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện              | Chương trình giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chương trình giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thể chất: <math>118 / 124 = 95,1\%</math></li> <li>- Phát triển nhận thức: <math>119 / 124</math> đạt <math>95,9 \%</math></li> <li>- Phát triển ngôn ngữ: <math>110 / 124 = 95,9 \%</math></li> <li>- Phát triển tình cảm- kỹ năng xã hội: <math>119 / 124 = 95,9 \%</math></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thể chất: <math>164 / 172</math> đạt <math>95,3\%</math></li> <li>- Phát triển nhận thức: <math>166 / 172</math> đạt <math>96,5\%</math></li> <li>- Phát triển ngôn ngữ: <math>166 / 172</math> đạt <math>96,5\%</math></li> <li>- Phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội: <math>166 / 172</math> đạt <math>96,5\%</math></li> <li>- Phát triển thẩm mỹ: <math>166 / 172</math> đạt <math>96,5\%</math></li> </ul> |
| IV  | Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non | <p>Tổng số phòng học: 7</p> <p>Loại phòng: - Phòng học kiên cố: 03</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán kiên cố: 04</li> <li>- Phòng học tạm: 0</li> <li>- Bàn ghế đúng quy cách: 7 bộ</li> <li>- Đồ chơi ngoài trời: 07 bộ</li> </ul>                                                                                          | <p>Tổng số phòng học: 9</p> <p>Loại phòng: - Phòng học kiên cố: 04</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán kiên cố: 05</li> <li>- Phòng học tạm: 0</li> <li>- Bàn ghế đúng quy cách: 09 bộ</li> <li>- Đồ chơi ngoài trời: 09 bộ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                  |

Nậm Nền, ngày 24 tháng 09 năm 2025

Thư trưởng đơn vị



*Đỗ Thị Thắm*



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẬM NÈN  
TRƯỜNG MẦM NON NẬM NÈN

THÔNG BÁO  
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2025- 2026  
Đơn vị tính: trẻ em

| STT | Nội dung                                                  | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo |          |          |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|----------|----------|----------|
|     |                                                           |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| I   | Tổng số trẻ em                                            | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| 1   | Số trẻ em nhóm ghép                                       | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| 2   | Số trẻ em 1 buổi/ngày                                     | 0              | 0               | 0                | 0                | 0        | 0        | 0        |
| 3   | Số trẻ em 2 buổi/ngày                                     | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| 4   | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                         | 8              | 0               | 0                | 0                | 1        | 3        | 4        |
| II  | Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở                       | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| III | Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe                  | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| IV  | Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| V   | Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em                    | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| 1   | Số Trẻ cân nặng bình thường                               | 282            | 0               | 46               | 73               | 55       | 55       | 53       |
| 2   | Số Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                         | 14             | 0               | 2                | 4                | 2        | 2        | 4        |
| 3   | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                        | 14             | 0               | 2                | 4                | 2        | 2        | 4        |
| 4   | Số trẻ thừa cân béo phì                                   | 0              | 0               | 0                | 0                | 0        | 0        | 0        |
| VI  | Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục          | 296            | 0               | 51               | 73               | 59       | 57       | 56       |
| 1   | Chương trình giáo dục nhà trẻ                             | 124            | 0               | 51               | 73               | 0        | 0        | 0        |
| 2   | Chương trình giáo dục mẫu giáo                            | 172            | 0               | 0                | 0                | 59       | 57       | 56       |

Nậm Nền, ngày 24 tháng 09 năm 2025  
Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Thắm

ỦY BAN NHÂN XÃ NẬM NỀN  
TRƯỜNG MẦM NON NẬM NỀN

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025-2026**

| STT         | Nội dung                                                                                                   | Số lượng               | Bình quân                 |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Tổng số phòng</b>                                                                                       | 16                     | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>                                                                                      |                        | -                         |
| 1           | Phòng học kiên cố                                                                                          | 07                     | -                         |
| 2           | Phòng học bán kiên cố                                                                                      | 09                     | -                         |
| 3           | Phòng học tạm                                                                                              | 0                      | -                         |
| 4           | Phòng học nhờ                                                                                              | 0                      | -                         |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>                                                                                      | 7                      | -                         |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                                                      | 4.761,8 m <sup>2</sup> |                           |
| <b>V</b>    | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                                             | 1374m <sup>2</sup>     |                           |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>                                                                    | 70m <sup>2</sup>       | 7,4m <sup>2</sup> / 1trẻ  |
| 1           | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                                                          | 45m <sup>2</sup>       | 1,2m <sup>2</sup> /1 trẻ  |
| 2           | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )                                                                      |                        |                           |
| 3           | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )                                                                  | 8m <sup>2</sup>        | 0,37m <sup>2</sup> /trẻ   |
| 4           | Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )                                                                      | 21m <sup>2</sup>       | 0,086m <sup>2</sup> /trẻ  |
| 5           | <i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>                                                   |                        |                           |
| 6           | <i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i>                         | 70m <sup>2</sup>       |                           |
| 7           | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                                                 |                        |                           |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>                                      |                        | Số bộ/nhóm (lớp)          |
| 1           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                                           | 12                     | 12/16                     |
| 2           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định                                       | 4                      | 4/16                      |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>                                                                          | 9                      | Số bộ/sân chơi (trường)   |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh</b> | 1                      |                           |



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẬM NÈN  
TRƯỜNG MẦM NON NẬM NÈN

THÔNG BÁO  
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục  
mầm non, năm học 2025-2026

| STT | Nội dung                                       | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |         | Chuẩn nghề nghiệp |     |     |    |
|-----|------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|----------|---------|-------------------|-----|-----|----|
|     |                                                |         | TS               | ThS | ĐH | CD | TC | Dưới TC | Hạng IV                    | Hạng III | Hạng II | Tốt               | Khá | Đạt | CD |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 33      | 33               | 0   | 31 | 0  | 0  | 0       | 1                          | 30       | 0       | 19                | 11  | 0   | 0  |
| I   | Giáo viên                                      | 27      | 27               | 0   | 27 | 0  | 0  | 0       | 1                          | 26       | 0       | 16                | 11  | 0   | 0  |
| 1   | Nhà trẻ                                        | 12      | 12               | 0   | 12 | 0  | 0  | 0       | 0                          | 12       | 0       | 6                 | 4   | 0   | 0  |
| 2   | Mẫu giáo                                       | 15      | 15               | 0   | 15 | 0  | 0  | 0       | 1                          | 14       | 0       | 10                | 7   | 0   | 0  |
| II  | Cán bộ quản lý                                 | 3       | 0                | 0   | 3  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 3        | 0       | 3                 | 0   | 0   | 0  |
| 1   | Hiệu trưởng                                    | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 1        | 0       | 1                 | 0   | 0   | 0  |
| 2   | Phó hiệu trưởng                                | 2       | 0                | 0   | 2  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 2        | 0       | 2                 | 0   | 0   | 0  |
| III | Nhân viên                                      | 3       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 2       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0  |
| 1   | Nhân viên văn thư                              | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0  |
| 2   | Nhân viên kế toán                              | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0  |
| 3   | Thủ quỹ                                        | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0  |
| 4   | Nhân viên y tế                                 | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0  |
| 5   | Nhân viên khác                                 | 2       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 2       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0  |

Nậm Nèn, ngày 24 tháng 09 năm 2024  
Khai trường đơn vị



Đỗ Thị Thắm